

13. HUỖNH VĂN NGHỆ (1914-1977).

Huỳnh Văn Nghệ sinh ngày 2 tháng 2 năm 1914 tại làng Tân Tịch, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa⁽¹⁾. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình đông anh em ở vùng quê nghèo sản vật, nhưng giàu truyền thống cách mạng bên hữu ngạn sông Đồng Nai. Từ nhỏ, ông đi học ở trường quận và tiếp tục lên Sài Gòn học tại Pétrus Ký cho đến khi ra làm công chức sở Hỏa xa. Vốn giàu lòng yêu nước, ông nhanh chóng hòa nhập vào phong trào chống Pháp. Khởi nghĩa Nam kỳ bị đàn áp, Huỳnh Văn Nghệ tìm đường sang Thái Lan liên lạc với phong trào yêu nước hải ngoại với kỳ vọng sẽ quay về quê hương chiến đấu.

Mùa thu tháng Tám năm 1945, Huỳnh Văn Nghệ có mặt trong đội ngũ tiên phong giành chính quyền ở Sài Gòn - Biên Hòa. Thực dân Pháp đánh chiếm Nam bộ, Huỳnh Văn Nghệ cùng một số đồng chí đứng ra vận động, tập hợp lực lượng vũ trang, lập chiến khu kháng chiến tại Tân Uyên. Con đường binh nghiệp của ông gắn liền với vùng đất đỏ miền Đông. Từ những ngày đầu thành lập Vệ quốc đoàn Biên Hòa đến Tư lệnh khu VII, Tỉnh đội trưởng Thủ Biên... Huỳnh Văn Nghệ dành cả tâm huyết của mình cho cách mạng. Dưới sự chỉ huy tài tình của Huỳnh Văn Nghệ, lực lượng vũ trang Đồng Nai ngày càng trưởng thành và lập nên nhiều chiến tích vẻ vang : Trận đánh đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa, Bàu Cá, Trảng Bom, La Ngà, Bến Sắn, Gò Đưa... Hình ảnh của vị chỉ huy Huỳnh Văn Nghệ gắn liền với vùng đất - con người miền Đông Nam bộ. Tập kết ra Bắc, ông được giao nhiệm vụ phó Cục trưởng Cục Quân huấn rồi chuyển ngành sang Bộ Lâm

⁽¹⁾ Nay là xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

nghiệp. Rồi cuộc chiến tranh khốc liệt chống đế quốc Mỹ ở miền Nam kêu gọi ông trở lại quê hương, tiếp tục cuộc chiến đấu cho đến ngày toàn thắng.

Nhân dân mến mộ gọi ông là tướng, các tài liệu của Pháp và quân đội Sài Gòn gọi ông là tướng Nghệ, là Huỳnh tướng quân. Thực ra, cấp quân hàm cao nhất của Huỳnh Văn Nghệ là thượng tá. Tuy nhiên, nhiều vị tướng vốn là chiến sĩ, cán bộ được ông đào tạo, dù đất vẫn tôn vinh ông là anh cả với niềm tôn kính vô bờ.

Trong cuộc đời binh nghiệp, với tài lãnh đạo thiên bẩm của mình, Huỳnh Văn Nghệ còn được biết đến với tư cách là một nhà thơ. Ông làm thơ rất sớm, từ năm 21 tuổi. Những bài thơ nói về cuộc đời, thân phận của nhân dân trong kiếp nghèo lâm than : Bà bán cau (1935), Mộ bia (1936), Đám ma nghèo (1938), Trốn học (1939)... và tình cảm của một người trước nỗi buồn khi quê hương dưới gót giày xâm lược, những khoắc khoải, hy vọng về một đời tự do : Mộng làm thơ, Trăng lên (1937), Tết quê người (1942), Bến cũ (1944)... Chín năm kháng chiến chống Pháp ở miền Đông Nam bộ, hình ảnh Huỳnh Văn Nghệ được khắc hoa đẹp đẽ : một chiến sĩ, nhà thơ, tay gươm, tay bút xông xáo khắp chiến trường. Hàng loạt bài thơ được ông viết trong giai đoạn (1945-1954) với nhiều hình ảnh sinh động về cuộc sống, buổi ban đầu của chiến khu, phản ánh từng giai đoạn trưởng thành của lực lượng cách mạng : Xuân chiến khu (1946), Ngày hội (1947), Bên bờ Sông Xanh (1948), Dụ kích Đồng Nai, Hội nghị Bình Công (1954), Hành quân (1955)... và nhiều bài thơ được ông sáng tác cho đến những năm cuối đời.

Thơ của ông đến với đồng đội, đồng bào bằng con đường của trái tim. Thời ấy, ở chiến khu Đ, người ta đón nhận thơ ông và chiến công của ông như một nguồn động viên lớn. Lý tưởng chiến đấu của ông thể hiện trên từng cung bậc của thơ và ở cả chiến trường, cả hai đều giàu sức công phá, giàu sức chinh phục. Thơ Huỳnh Văn Nghệ

thường nói về mẹ, về đồng đội, quê hương, tổ quốc với nhiều sắc thái khác nhau. Khi thì sang sảng bay bổng như gió lộng rừng cao, khi lại thì thâm, nghẹn nức như dòng sông ngày đêm rì rào chảy qua dưới chân cầu trước ngõ. Yêu thương và căm giận rạch ròi. Ngoài làm thơ, Huỳnh Văn Nghệ còn viết truyện ngắn và cả kịch. Rất tiếc, chúng ta chẳng giữ được bao nhiêu. Cho đến nay, ngoài những tài liệu của ông đã được công bố trước đây, Nhà Xuất bản Đồng Nai đã cho ra đời tuyển tập thơ văn Huỳnh Văn Nghệ với 3 hồi ký, 5 truyện ngắn và 43 bài thơ, những trang viết đầy xúc động về đất nước - con người Đồng Nai nói riêng và miền Đông Nam bộ nói chung. -

Huỳnh Văn Nghệ qua đời tại thành phố Hồ Chí Minh năm 1977. Linh cữu của ông được đưa về an táng tại vùng quê Tân Tịch, Tân Uyên. Làng Tân Tịch - cái nôi của cách mạng, hiền hòa, dung dị sau nửa thế kỷ tiễn ông đi nay lại ân cần, ưu ái đón ông về. Không có nhiều nước mắt, chỉ có nỗi ngậm ngùi xót xa không bờ bến của đồng chí, đồng đội và thân nhân.

Trái tim Huỳnh Văn Nghệ sau bao năm thổn thức đã ngừng đập. Cuộc sống đầy thử thách, nghiệt ngã nhưng cũng đầy lãng mạn, hào hùng của ông đã khép lại dưới nấm mồ sâu với hai câu thơ thanh thản lạ thường :

*Gửi lại ban máy văn thơ trên cát
Và chiều nay tôi sang bến, lên đường.*

Một văn thơ đầy tâm huyết, chất chiu từ trái tim yêu quê hương, Tổ quốc của Huỳnh Văn Nghệ viết từ năm 1946. 30 năm trước, chắc ông không nghĩ rằng bạn bè, đồng đội và gia đình chọn nó để khắc lên mộ chí ông sau này.

Nhà thơ, chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ đã "sang bến, lên đường", nhưng hình ảnh của một Tám Nghệ vẫn mãi mãi khắc dấu trong bao thế hệ của con người "miền Đông gian lao mà anh dũng", được nhân dân và đồng đội, đồng chí tạc bia trong lòng.

Nhớ về Huỳnh Văn Nghệ, mọi người, ai cũng nhắc đến một cái tâm cao thượng, bao dung trong một thân phận, một cuộc đời còn nhiều uẩn khúc, song vẫn đau đáu về nguồn cội :

*Từ độ mang gương di mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

.....
(Nhớ Bắc)